

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2019

Về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con chung”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Tài**;

2. Ông **Lê Văn Thuận**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Bích Du** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2019/ST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị K D**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Số Dx/xxA, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần T B**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Số xx, ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2019, lời trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị K D trình bày:

Chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 05/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, anh B thường xuyên nhậu nhẹt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 05/2019 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Trần Huỳnh K N, sinh ngày xx/xx/20xx và Trần Huỳnh N H, sinh ngày 23/11/2004 và Trần Huỳnh B N, sinh ngày xx/xx/20xx. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N giao cháu N và cháu Hân cho anh B nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần T B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, cãi vã không đáng kể.

Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý do còn thương vợ, thương con.

Vợ chồng chung sống có 03 người con chung như chị D trình bày. Nếu Tòa án xử ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai cháu N và H, đồng ý giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, chị D và anh B tự nguyện chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị thường cãi nhau do bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách, anh B sống vô tư không chăm lo cho vợ con. Chị D và anh B chung sống đến tháng 05/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Xét mẫu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh K N, sinh ngày 08/5/2003 và Trần Huỳnh N H, sinh ngày xx/xx/20xx cho anh B nuôi dưỡng; giao cháu Trần Huỳnh B N, sinh ngày xx/xx/20xx cho chị D nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu H mỗi cháu 1.000.000 đồng /tháng.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Chị D chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị K D và anh Trần T B chung sống từ năm 2002 có đăng ký kết hôn vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D cho rằng vợ chồng không hợp tính tình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau do bất đồng quan điểm, không phù hợp về tính tình, ngoài ra chị D còn mâu thuẫn với gia đình bên chồng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 05/2019 nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Anh B cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn và anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Qua xem xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh B cho thấy vợ chồng anh chị có cãi vã nhau mỗi khi anh B uống rượu, ngoài ra không có mâu thuẫn nào khác. Tại phiên tòa, anh B cũng cam kết sẽ không uống rượu và chăm lo cho vợ con, nếu chị D không muốn ở cùng cha mẹ anh sẽ cất nhà ra riêng để cùng nhau chung sống. Xét mâu thuẫn của anh chị chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn cho anh chị chung sống với nhau, anh B vẫn còn thương vợ con và tha thiết xin được đoàn tụ. Do đó, lời trình bày của anh B là có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh B để anh chị đoàn tụ, chung sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm lo cho con là phù hợp.

[2] *Về con chung:* Có 03 người con tên Trần Huỳnh K N, sinh ngày xx/x/20xx và Trần Huỳnh N H, sinh ngày xx/xx/20xx và Trần Huỳnh B N, sinh ngày xx/xx/20xx do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* Chị D và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] *Về nợ chung:* Chị D và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Chị D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Do anh B yêu cầu được đoàn tụ, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D nên không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị K D đối với anh Trần T B. Giữa chị D và anh B vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0013486 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Hảo Phát